

KIỂM CHỨNG PHƯƠNG PHÁP NHẬN DIỆN TRỌNG ÂM TỪ TIẾNG ANH BẰNG NGỮ ÂM HỌC THỰC NGHIỆM

Trần Thị Thanh Diệu

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Căn cứ vào trọng lượng âm tiết, sự phân loại từ trên cơ sở cấp độ hình thái của từ, thể loại ngữ pháp và số lượng âm tiết trong từ, bài viết tập trung vào nghiên cứu nền tảng của phương pháp nhận biết âm tiết có trọng âm trong từ tiếng Anh, đã được kiểm chứng bằng thực nghiệm ngữ âm học.

Từ khóa: trọng âm, ngữ âm học thực nghiệm, phương pháp, kiểm chứng

*

1. Đặt vấn đề

Theo kinh nghiệm thực tế giảng dạy và kết luận từ các cuộc khảo sát được tiến hành gần đây tại các trường đại học Việt Nam và trên thế giới, lỗi về ngữ âm là một trong những nguyên nhân rất cơ bản dẫn đến hiểu sai lệch trong giao tiếp bằng tiếng Anh. Những sai phạm này xuất phát từ đặc điểm tiếng Anh là ngôn ngữ không phát âm theo rập khuôn mà theo một số qui luật phát âm khá phức tạp với nhiều ngoại lệ nên dẫn đến phát âm sai hay không nhận ra được từ vựng. Nguyên nhân dẫn đến một số kiểu lỗi giao thoa này là thiếu khả năng xác định trọng âm từ tiếng Anh, được qui định bởi một hệ thống các nguyên tắc do từ loại và số lượng âm tiết trong từ đã qui định, trong sự khác biệt rất lớn giữa một ngôn ngữ đơn âm tiết tính có thanh điệu như tiếng Việt và hệ thống ngôn ngữ biến hình với từ đa âm tiết như tiếng Anh.

Để thực hiện được một đề tài có tính lý thuyết cao và cần được kiểm chứng cũng như minh họa bằng thực nghiệm ngữ âm, phương pháp sử dụng trong bài viết chủ yếu là phương pháp phân tích âm vị học kết hợp với phương pháp ngữ âm thực nghiệm. Ngữ liệu là một bộ các từ đa âm tiết tiếng Anh, được khảo sát qua các cộng tác viên (CTV) là các sinh viên chuyên ngữ đã học qua môn Ngữ âm, âm vị học. Các cứ liệu phát âm được phân tích và miêu tả bằng phần mềm chuyên dụng phân tích tiếng nói Speech Analyzer (Copyright © 1996-2007 by SIL International) và Praat 5.05.12. (copyright @ 1992-2008 by Paul Boersma and David Weenink).

2. Cơ sở xác định vị trí trọng âm được kiểm chứng qua ngữ âm thực nghiệm

2.1. Từ loại và số lượng âm tiết trong từ

Trên cơ sở chủng loại ngữ pháp, có hai thể loại từ:

– *Từ chức năng (Funtional word/ grammatical word)*: mạo từ, giới từ thường không bị ảnh hưởng của trọng âm vì đa số là từ đơn âm tiết và cũng không phải từ trọng tâm trong ngữ đoạn

– *Từ nội dung (content word/ lexical word)* : danh từ, động từ, tính từ, được qui định bởi qui luật trọng âm.

Trên cơ sở số lượng âm tiết trong từ: 1, 2, 3, hoặc 4... âm tiết và được phân biệt giữa có hay không chứa *phụ tố*.

Như vậy, nguyên tắc trọng âm từ tiếng Anh sẽ được xác định theo 3 cấp độ cơ bản [[13]], [[20]]:

Cấp độ 1: Từ đơn với sự ảnh hưởng của loại từ như danh từ, động từ .. số lượng âm tiết từ 2 trở lên. Từ đơn (*simple word*): là từ đơn hoặc đa âm tiết nhưng không chứa phụ tố phái sinh. (*Mono/ Multi-Syllabic*

word without derivational affix(es)). Ví dụ: *Lion* – 2 âm tiết nhưng không chứa phụ tố hoặc *lions* – 2 âm tiết với phụ tố biến hình.

Cấp độ 2: Từ phức với sự ảnh hưởng của các loại phụ tố: tiền tố và hậu tố. Từ phức (*complex word*) chứa một căn tố và 1 hay nhiều phụ tố trong đó bắt buộc phải có phụ tố phái sinh (có hay không có phụ tố biến hình). Ví dụ: *Free Base + Affix(es): Teachers* (FB + C + I); *Bound Base + Afix(es): Audience* (BB + C).

Cấp độ 3: Từ ghép với sự ảnh hưởng bởi loại từ của các bộ phận cấu thành. Từ ghép (*compound word*): được tạo bởi từ 2 căn tố tự do (*Free base + Free Base*). Ví dụ: *boyfriend* (FB + FB)

2.2. Tính nhịp điệu

Bảng 1: Đối chiếu mô hình nhịp điệu Anh – Việt

	MÔ HÌNH NHỊP ĐIỀU	
	TIẾNG ANH	TIẾNG VIỆT
Kiểu ngôn ngữ	Ngôn ngữ có trọng âm cách quãng đều nhau (<i>stress-timed language</i>) với các mẫu nhịp điệu dựa trên sự lặp lại khá thường xuyên của các âm tiết có trọng âm.	Ngôn ngữ đơn âm tiết cách quãng đều nhau (<i>syllable-timed language</i>), đó là các âm tiết có trọng lực cân bằng.
Công thức	{F = [S W]}	{N = [A]}
Ý nghĩa các chữ viết tắt	F = foot = bước, S = strong = mạnh, W = weak = yếu	N = nhịp A = âm tiết

Cơ sở của cấu trúc nhịp điệu tiếng Anh là sự tồn tại 2 kiểu âm tiết: âm tiết nhẹ và âm tiết mạnh [[13]], [[20]], được gọi là *Trochee: Trochaic foot*, là loại bước: 1 âm tiết dài – 1 âm tiết ngắn, cũng chính là âm tiết mạnh = âm tiết mang trọng âm và âm tiết nhẹ = âm tiết không

mang trọng âm. Âm tiết mạnh là âm tiết có một bộ vần phức tạp, gồm phụ âm đầu, phụ âm kết và hạt nhân là 1 nguyên âm ngắn, hoặc một nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi. Ngược lại, một âm tiết nhẹ chứa một âm vị nguyên âm trong phần vần (*rhyme*), có hay không có âm

khởi (*ONSET*) nhưng không có âm kết (*CODA*), như là âm tiết đầu tiên trong các từ *report*, *about*, vì các âm khởi hoàn toàn không liên quan với việc tính toán trọng lượng âm tiết.

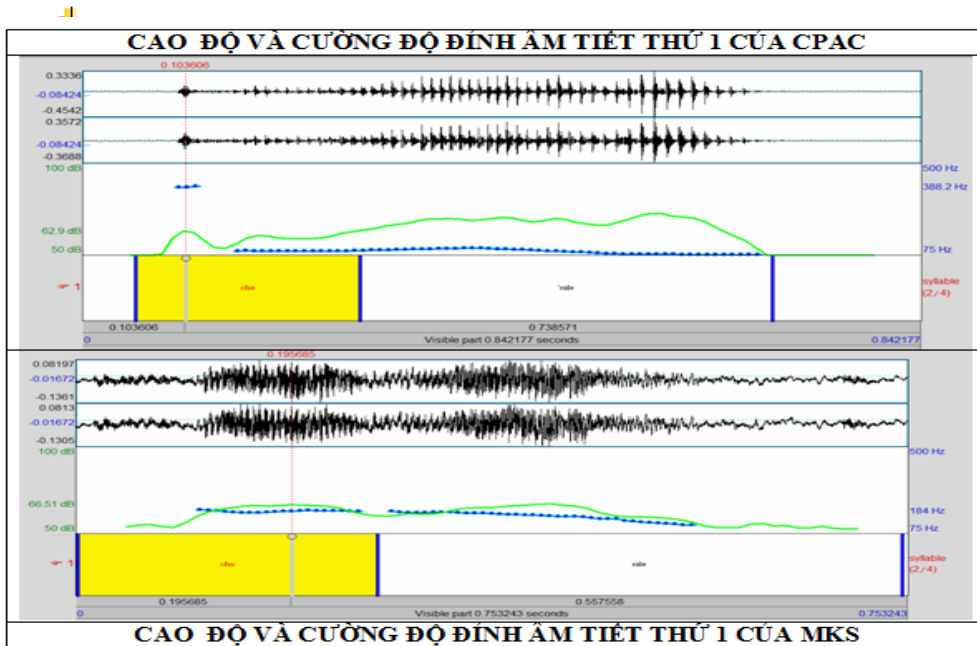
2.3. Trọng lượng âm tiết

Trong tiếng Anh, có sự phân biệt giữa âm tiết nhẹ và âm tiết nặng [[13]]. Một âm tiết nhẹ chứa một âm vị nguyên âm trong phần vần (*rhyme*) và không có âm kết, như âm tiết đầu trong từ *potato*, *report*, *about*. Cho dù 2 từ đầu có âm khởi và từ thứ 3 không có âm khởi và tất cả các âm tiết đầu trong các từ trên đều là âm tiết nhẹ, bởi vì các âm khởi hoàn toàn không có quan hệ hay nói cách khác là không thích hợp cho việc tính toán trọng

lượng âm tiết. Ngược lại, nếu âm tiết có một bộ vần phức tạp thì nó sẽ là âm tiết nặng, cụ thể có 2 cách để nhận diện âm tiết nặng = âm tiết mang trọng âm như sau:

Cách 1: 1 âm tiết nặng có thể chứa 1 nguyên âm ngắn nhưng phải có tối thiểu 1 phụ âm kết như các từ *bet*, *best*.

Cách 2: 1 âm tiết nặng phải có hạt nhân gồm 1 nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi và phải bổ sung thêm âm kết, như âm tiết thứ 2 của từ *chorale* [kɔ:'ra:l], được khảo sát qua ngữ âm thực nghiệm, với kết quả thể hiện trong phổ đồ đối chiếu giữa CPAC và MKS, để chứng minh đặc điểm của âm tiết nặng, cũng chính là âm tiết mang trọng âm.



Hình 1: Đối chiếu cường độ và cao độ đỉnh âm tiết 1 giữa CPAC và MKS

Bảng 2: Thông số cường độ, cao độ đỉnh âm tiết 1 của CPAC và MKS

THÔNG SỐ TẠI ĐỈNH ÂM TIẾT		CPAC	MKS
CƯỜNG ĐỘ (INTENSITY)	ÂM TIẾT 1	62.90 dB	66.51 dB
CAO ĐỘ (PITCH)	ÂM TIẾT 1	388.20 Hz	184 Hz

Vì trọng âm từ tiếng Anh là trọng âm lực nên việc xác định trọng âm theo phổ đồ chủ yếu căn cứ vào cường độ. Theo phổ đồ, đường nét liền màu xanh lá chính là đường nét biểu hiện cường độ. Trong sự đối chiếu cường độ đỉnh âm tiết thứ 1 của **CPAC = 62.90 dB** và **MKS = 66.51 dB**, chúng tôi nhận thấy CTV đã khởi đầu sự phát âm từ *chorale* bằng một lực lớn hơn lực của CPAC. Tuy con số này vẫn chưa khẳng định được vị trí trọng âm nhưng nếu nhìn vào phổ đồ (hình 1) ta có thể nhận ra ngay rằng CPAC có cường độ đạt cực đại ở đỉnh âm tiết thứ 2 vì đường nét cường độ của CPAC thể hiện rõ rệt 2 đỉnh với mức độ nhấp nhô có thể nhận thấy được khi nhìn qua mà chưa cần đến những thông số kỹ thuật chính xác. Và như vậy ta cũng đã có thể mạnh dạn kết luận CPAC đặt trọng âm ở âm tiết thứ 2, trên cơ sở của sự phân biệt giữa âm tiết mạnh cũng chính là âm tiết mang trọng âm và âm tiết yếu là âm tiết không mang trọng âm.

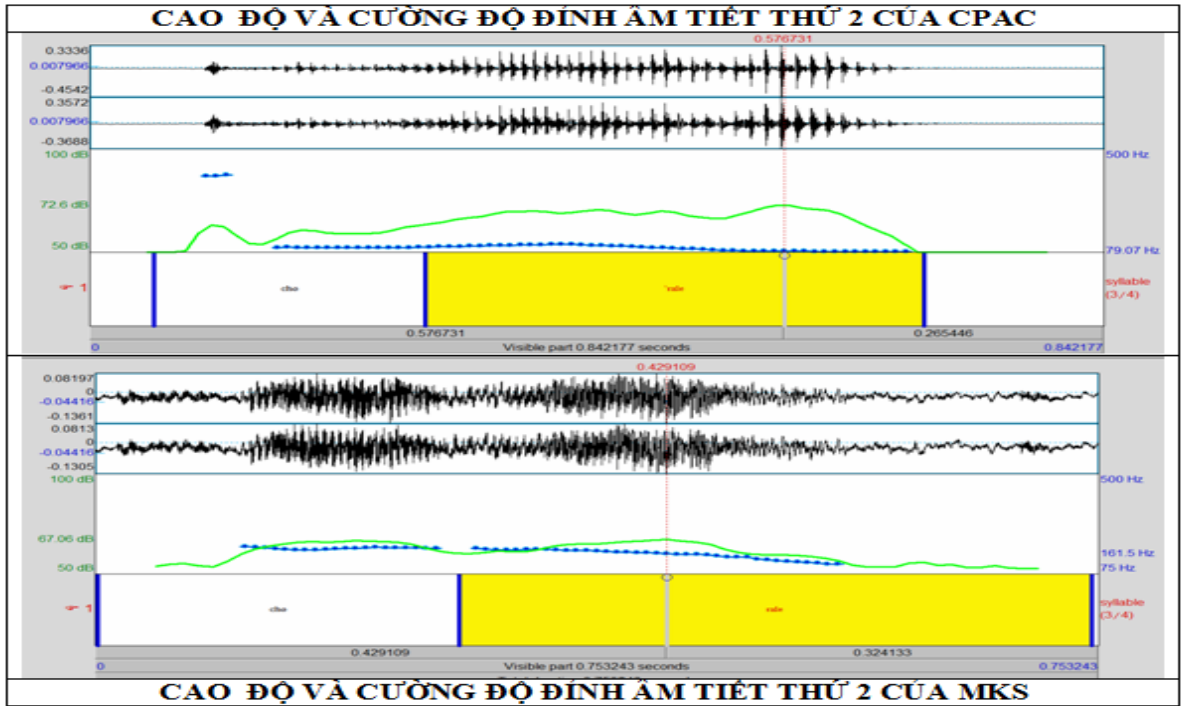
Ngược lại, tuy cũng căn cứ vào phổ đồ trên (hình 1) nhưng nếu không có các thông số kỹ thuật cụ thể thì ta không thể nhận ra được chính xác CTV đã đặt trọng âm ở âm tiết nào vì đường nét cường độ của MKS là một đường gần như không nhấp nhô, tạo hình ảnh 2 đỉnh âm tiết gần như ngang nhau. Điều này đồng nghĩa với việc CTV đã phát ra lực gần

như bằng nhau cho cả 2 âm tiết của từ *chorale*. Không thể phủ nhận đây là cách phát âm hoàn toàn không chính xác khi CTV đã không đáp ứng được tính nhịp điệu của trọng âm từ tiếng Anh. Nguyên nhân cơ bản của hiện tượng này là sự chuyển di tiêu cực do bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ. Hiện tượng này tồn tại khá phổ biến trong đa số người Việt khi phát âm từ tiếng Anh theo xu hướng cân bằng lực phát ra cho mọi âm tiết trong từ. Cách phát âm này là theo mô hình nhịp điệu tiếng Việt, ngôn ngữ đơn âm tiết với sự cân bằng lực giữa các âm tiết (*syllable-timed*). Hiện tượng này là do sự chuyển di tiêu cực tạo ra lỗi giao thoa trong phát âm. Như vậy, sinh viên Việt Nam phải rèn luyện cách phát âm đáp ứng được tính nhịp điệu, cụ thể là phải theo mô hình nhịp điệu tiếng Anh: $\{F = [S_W]\}$.

Ngoài ra, ta thấy rõ hình ảnh đường nét cao độ của cả CPAC và MKS khá bằng phẳng, hoàn toàn khác đường nét cường độ với dáng vẻ gợn sóng, nhấp nhô, biểu hiện trọng lực khác nhau ở các vị trí cơ bản trong từ. Tuy nhiên, ở đỉnh âm tiết thứ 1 của CPAC cao độ đạt cực đại với thông số khá cao: **388.20 Hz**, dù âm tiết 1 của CPAC không phải là âm tiết mang trọng âm. Trong khi đó, MKS có đường nét thanh cơ bản F0 đo tại đỉnh âm tiết 1 là **184 Hz**.

Bảng 3: Thông số cường độ, cao độ đỉnh âm tiết 2 của CPAC và MKS

THÔNG SỐ TẠI ĐỈNH ÂM TIẾT		CPAC	MKS
CƯỜNG ĐỘ (INTENSITY)	ÂM TIẾT 2	72.60 dB	67.06 dB
CAO ĐỘ (PITCH)	ÂM TIẾT 2	79.07 Hz	161.50 Hz



Hình 2: Đối chiếu cường độ và cao độ đỉnh âm tiết 2 giữa CPAC và MKS

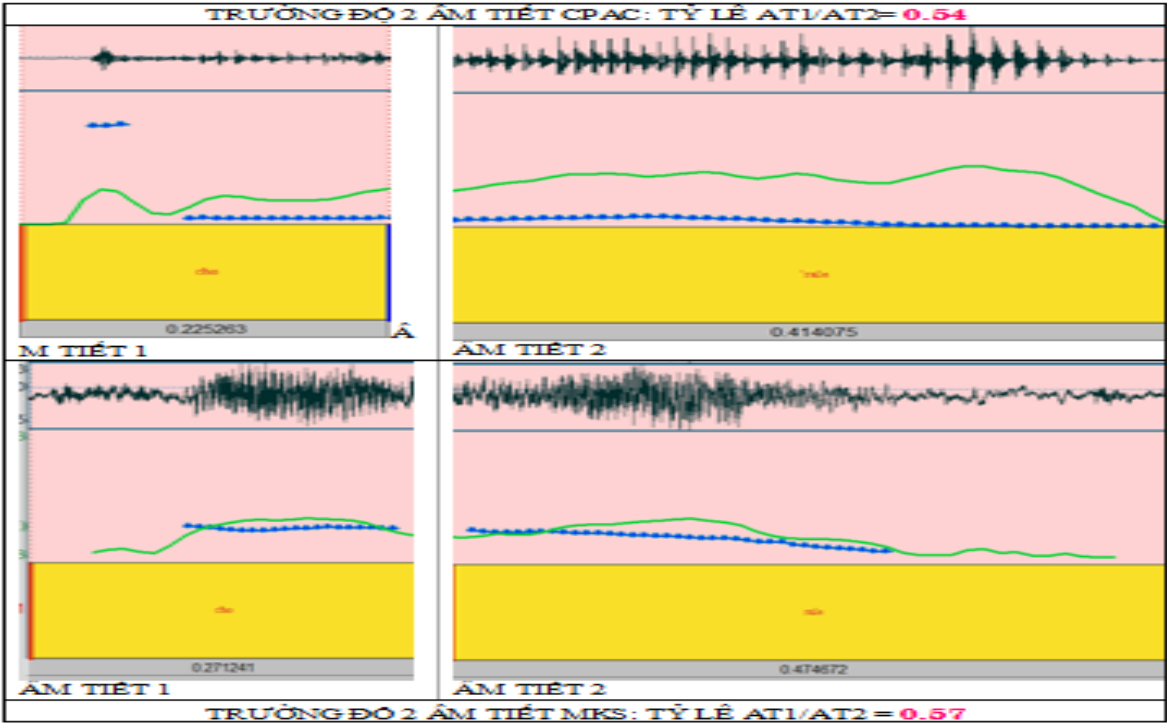
Khi quan sát tiếp phổ đồ đo đỉnh âm tiết thứ 2 của CPAC và MKS (hình 2), ta thấy sự chênh lệch khá rõ của các thông số kĩ thuật chỉ cường độ của CPAC tại âm tiết thứ 2 = 72.60 dB và cường độ âm tiết thứ 2 của MKS = 67.06 dB. Như vậy CPAC đã phát âm với lực hoàn toàn khác nhau cho 2 âm tiết của từ *chorale*, với sự chênh lệch = $72.60 \text{ dB} - 62.90 \text{ dB} = 9.70 \text{ dB} > 5$, đủ để tạo mô hình nhịp điệu có trọng âm (*Stress-Timed Rhythm*) với mẫu nhịp điệu (*rhythmic pattern*): {F = [S W]} (với F = Foot = 1 bước, S = strong = mạnh, W = weak = yếu). Trong khi đó, MKS có thông số lực phát âm đo được tại đỉnh 2 âm tiết của từ *chorale* gần như bằng nhau, với sự cách chênh lệch = $67.06 \text{ dB} - 66.51 \text{ dB} = 0.55 \text{ dB} < 1 < 5$, hoàn toàn không đủ để tạo mô hình nhịp điệu có trọng âm. Ngược lại, thông số cường độ này là hình ảnh của mô hình

nhịp điệu có các âm tiết có trọng lực cân bằng (*Syllable-Timed Rhythm*) của tiếng Việt. Ngoài ra, cũng từ phổ đồ (hình 2) ta có thể thấy rõ cao độ tại đỉnh âm tiết 2 của CPAC là 79.07 Hz, cũng là âm tiết mang trọng âm nhưng lại thấp hơn cao độ đỉnh âm tiết 1, âm tiết không mang trọng âm: 388.20 Hz. Trong khi đó, MKS có đường nét thanh cơ bản đạt tại đỉnh âm tiết thứ 2 = 161.50 Hz, và cũng không cách biệt so với cao độ ở đỉnh âm tiết 1 = 184 Hz. Như vậy, dù không đạt được mô hình nhịp điệu tiếng Anh S_W, nhưng cơ bản CTV đã phát ra lực cho âm tiết 2 cao hơn âm tiết 1, được tạm chấp nhận đặt đúng vị trí trọng âm cho từ. Và cũng như thông số cao độ của CPAC, cao độ ở đỉnh âm tiết 2, âm tiết mang trọng âm của MKS vẫn thấp hơn cao độ ở đỉnh âm tiết 1, âm tiết không mang trọng âm của MKS.

Từ quan sát trên, ta có thể đưa đến nhận định rằng, đường nét thanh cơ bản F0 biểu diễn cao độ không thể hiện trọng âm mà chỉ là sự khác nhau về độ trầm bổng của giọng

nói giữa những cá thể khác nhau mà thôi.

Cuối cùng, tiêu chí thứ 3 sẽ được khảo sát là trường độ, minh họa theo phổ đồ hình 3 như sau:



Hình 3: Đối chiếu trường độ và tỉ lệ trường độ 2 âm tiết giữa CPAC và MKS

Bảng 4: Thông số trường độ 2 âm tiết của CPAC và MKS

THÔNG SỐ TRƯỜNG ĐỘ		CPAC	MKS
TRƯỜNG ĐỘ (DURATION)	ÂM TIẾT 1	0.225263	0.271241
	ÂM TIẾT 2	0.414075	0.474672
	TỈ LỆ 1/2	0.54	0.57

Trường độ và tỉ lệ trường độ 2 âm tiết của CPAC và MKS đều trong khoảng $\frac{1}{2}$, cơ bản đáp ứng được yêu cầu tỉ lệ giữa 2 âm tiết mang và không mang trọng âm. Như vậy, nếu căn cứ vào trường độ thì ta không thể nhận ra hạn chế hay sai phạm của CTV vì khi kéo dài đủ thời lượng cho từng âm tiết thì chỉ đạt được trọng âm lượng, là đặc điểm của trọng âm từ tiếng Việt. Trong

khi đặc trưng của trọng âm tiếng Anh là trọng âm lực trên cơ sở mẫu nhịp điệu S_W. Do đó, cho dù MKS đáp ứng được đặc điểm trường độ nhưng vẫn là cách phát âm sai như đã chứng minh.

Từ nhận định từng tiêu chí đánh giá trọng âm từ tiếng Anh như trên, các kết quả khảo sát được hệ thống theo bảng thông số kĩ thuật tổng hợp cường độ, cao độ và trường độ (bảng 5).

Bảng 5: Thông số cao độ, cường độ và trường độ của CPAC và MKS

THÔNG SỐ		CPAC	MKS
CƯỜNG ĐỘ (INTENSITY)	ÂM TIẾT 1	62.90 dB	66.51 dB
	ÂM TIẾT 2	72.60 dB	67.06 dB
CAO ĐỘ (PITCH)	ÂM TIẾT 1	388.20 Hz	184 Hz
	ÂM TIẾT 2	79.07 Hz	161.50 Hz
TRƯỜNG ĐỘ (DURATION)	ÂM TIẾT 1	0.225263	0.271241
	ÂM TIẾT 2	0.414075	0.474672
	TỈ LỆ 1/2	0.54	0.57

Từ phổ đồ và bảng biểu tóm tắt các thông số đo âm thanh giọng nói, chúng tôi nhận thấy:

– Cao độ không thể hiện được vị trí trọng âm từ tiếng Anh mà chỉ thể hiện chất giọng của các chủ thể phát âm mà thôi.

– Ngoài ra, nếu căn cứ vào trường độ thì ta không thể nhận ra hạn chế hay sai phạm của CTV vì khi kéo dài đủ thời lượng cho từng âm tiết thì chỉ đạt được trọng âm lượng, là đặc điểm của trọng âm từ tiếng Việt. Trong khi đặc trưng của trọng âm tiếng Anh là trọng âm lực trên cơ sở mẫu nhịp điệu S_W. Do đó, cho dù MKS đáp ứng được đặc điểm trường độ nhưng vẫn không thể dùng làm căn cứ để đánh giá cách phát âm trọng âm từ tiếng Anh với đặc điểm điệu tính.

– Do đó, để xác định vị trí trọng âm của từ tiếng Anh, ta nên căn cứ vào đường nét cường độ, một nét đặc biệt và bắt buộc trong ngôn điệu tiếng Anh.

Nhìn chung, trong tiếng Việt, cường độ giữa các âm tiết không khác nhau vì trọng âm từ của tiếng Việt là trọng âm lượng nên thể hiện ở trường độ âm tiết. Ngược lại, trọng âm tiếng Anh là trọng âm lực nên tiêu chí cơ bản và chuẩn xác nhất để nhận diện

trọng âm từ tiếng Anh là cường độ [[13]], bên cạnh cao độ và trường độ. Sự khác biệt này đã dẫn đến sự chuyển di tiêu cực tạo ra lỗi giao thoa trong ngôn ngữ, chủ yếu do ảnh hưởng của đặc điểm ngôn ngữ mẹ đẻ (Việt ngữ). Quan trọng hơn là nếu không ý thức được nét đặc trưng này thì sinh viên sẽ không thể nhận diện vị trí trọng âm từ tiếng Anh trên cơ sở trọng lượng âm tiết thể hiện qua cường độ.

2.4. Ranh giới giữa các âm tiết trong nội bộ từ

Vấn đề mâu thuẫn giữa trọng lượng của âm tiết về nguyên tắc xác định ranh giới giữa các âm tiết [[13]:114] cũng ảnh hưởng đến việc xác định vị trí trọng âm trong từ đa âm tiết tiếng Anh. Trường hợp các từ có nguyên âm của âm tiết là nguyên âm có thể tạo nên vần của âm tiết mang trọng âm (không phải nguyên âm ngắn và nguyên âm yếu) và đều có một phụ âm có thể làm chức năng âm kết của âm tiết thứ nhất hay âm khởi của âm tiết thứ hai. Vậy vấn đề này nên giải quyết ra sao?

Trước tiên, người Anh có khuynh hướng đặt số lượng tối đa số ở vị trí khởi và tối thiểu ở vị trí kết của âm tiết; khi đó sẽ bắt buộc đặt âm vị đầu tiên sau nguyên âm,

như /p/ của chữ *report*, ở vị trí khởi của âm tiết thứ 2. Như vậy, âm tiết đầu /re -/ của từ *report* sẽ trở thành âm tiết nhẹ, cũng chính là âm tiết không mang trọng âm.

Tiếp theo, căn cứ vào nguyên tắc tối đa của các thành tố của âm tiết: Cụ thể mức độ tối đa về số lượng âm vị ở vị trí khởi của âm tiết là 3 (*Onset Maximalism*) [[13], tr. 111]; như chữ extra /ikstrə/ thì hợp lý nhất là đặt ranh giới (biểu hiện bằng dấu chấm(.)) giữa âm vị /k/ và /s/ : /ik. strə/, vừa đáp ứng được nguyên tắc tối đa ở vị trí khởi là 3 âm vị trong đó vị trí đầu tiên trong tổ hợp âm khởi chỉ có thể là âm vị /s/. Ngoài ra, cách giải quyết này vẫn đáp ứng được nguyên tắc trọng lượng của âm tiết mang trọng âm vì âm tiết /i:k -/ vẫn là âm tiết nặng vì có nguyên âm dài và âm kết.

Nhưng đối với trường hợp âm tiết thứ nhất của từ chứa nguyên âm ngắn hay nguyên âm yếu (từ *bottle*) thì sẽ nảy sinh sự mâu thuẫn giữa các cách kết hợp âm tiết. Nếu đặt phụ âm ngay sau nguyên âm đầu tiên của từ ở vị trí khởi của âm tiết thứ 2 (như *bo.ttle* với dấu chấm biểu thị ranh giới giữa các âm tiết) thì phù hợp cả sự khái quát hóa chuỗi độ vang của âm thanh (*Sonority Sequencing Generalisation*) lẫn mức độ tối đa của âm khởi. Tuy nhiên, tại đây, ta phải đối mặt với vấn đề của âm tiết thứ nhất của từ (*bottle* là /bɔ/) là nguyên âm ngắn không thể tạo nên vận của âm tiết có trọng âm. Vì vậy, âm tiết thứ nhất (của từ *bottle*) rõ ràng cần âm kết để trở thành âm tiết nặng, là âm tiết nhận trọng âm. Nhưng sẽ tồn tại sự mâu thuẫn khi đặt ranh giới cho các loại từ như trên, như nếu phân chia là *bott.le* thì

trông cũng không đúng vì những người bản ngữ thường kiểm tra ranh giới giữa các âm tiết bằng cách đọc lên mỗi âm tiết trong từ hai lần, như là đọc *bot-bot-tle-tle*, nó có thể không trùng khớp rằng chúng được viết với 2 phụ âm ở vị trí giữa (*double medial consonants*) [[13], tr. 112]. Giải pháp khả thi là phân tích âm vị phụ âm ở giữa 2 âm tiết trong những trường hợp như vậy, như /t/ của *bottle* như là ranh giới âm tiết (*ambisyllabic*), có nghĩa là đồng thời thuộc về âm kết của âm tiết thứ nhất và âm khởi của âm tiết thứ hai trong từ *bottle*. Giải pháp này sẽ không mâu thuẫn với cả sự khái quát hóa chuỗi độ vang của âm thanh (*Sonority Sequencing Generalisation*) và lại còn phù hợp với trực giác của người bản ngữ (*native speakers' intuitions*) và mẫu trọng âm (*stress patterns*).

3. Phương pháp nhận diện trọng âm từ tiếng Anh

3.1. Hệ thống các nguyên tắc trọng âm từ tiếng Anh

Tiếng Anh là một ngôn ngữ được thừa hưởng từ các qui luật trọng âm cố định của Đức (*Germanic*) [[13]], với đặc điểm là trọng âm luôn được đặt vào âm tiết thứ 1 của căn tố, nhưng lại bị ảnh hưởng bởi tiếng Latin, tiếng Pháp và Ý; nên tiếng Anh đôi khi bị cảm nhận như là ngôn ngữ không có qui luật trọng âm từ như tiếng Nga. Tuy nhiên, nhờ vào các yếu tố như trọng lượng âm tiết, kiểu loại từ (là từ đơn đa âm tiết, từ phái sinh và từ ghép) và số lượng âm tiết trong từ, các nguyên tắc phức tạp về trọng âm từ tiếng Anh sẽ được hệ thống như sau:

Bảng 6: Bảng hệ thống các nguyên tắc trọng âm từ tiếng Anh

1. Nguyên tắc trọng âm từ tiếng Anh trên cấp độ hình thái từ đơn				
Từ loại - số Âm tiết		Nguyên tắc		Ví dụ
2	Từ nội dung	Động từ	1. Nếu âm tiết thứ hai của động từ chứa nguyên âm dài (hoặc nguyên âm đôi hoặc kết thúc với hơn 1 phụ âm, ÂM TIẾT THỨ HAI sẽ NHẬN TRỌNG ÂM. 2. Nếu âm tiết thứ hai của động từ chứa nguyên âm ngắn hoặc nguyên âm đôi /ou/ và kết thúc với 1 hoặc không phụ âm, ÂM TIẾT ĐẦU sẽ NHẬN TRỌNG ÂM	'apply' ['ə'plai] 'enter' ['entə] 'follow' ['fɒləʊ]
		Tính từ	Theo nguyên tắc của động từ: 1. __ 'LongVow/Dip + 2,3 cons 2. ' __ shortVow/ou + 1 cons Ngoại lệ: ' __ shortVow/ou + 2 cons	'correct' [kə'rekt] 'honest' ['ɒnist] 'perfect' ['pɜ:fɪkt] or ['pɜ:fekt]
		Danh từ	1. Nếu âm tiết thứ hai của danh từ chứa nguyên âm ngắn thì ÂM TIẾT THỨ NHẤT sẽ NHẬN TRỌNG ÂM __shortVow 2. Trường hợp ngược lại ÂM TIẾT THỨ HAI sẽ NHẬN TRỌNG ÂM.	'money' ['mʌni] 'product' ['prɒdʌkt] 'balloon' [bə'lu:n]
	Từ chức năng		Giới từ: Theo nguyên tắc của động từ và tính từ	between ['twi:n]
3	Từ nội dung	Động từ	1. Nếu âm tiết cuối của động từ chứa 1 nguyên âm ngắn và 1 hay không có phụ âm, ÂM TIẾT LIỀN KÈ TRƯỚC NÓ sẽ NHẬN TRỌNG ÂM __ ' __ shortVow + 1 cons 2. Nếu âm tiết cuối của động từ chứa nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi hoặc kết thúc với hơn 1 phụ âm, ÂM TIẾT CUỐI sẽ NHẬN TRỌNG ÂM __ __ 'LongVow/Dip + 2,3 cons	'determine' [di'tɜ:min] 'entertain' [,entə'tein]
		Danh từ	1. Nếu âm cuối của danh từ chứa nguyên âm ngắn hoặc nguyên âm đôi [ou] thì âm trước nó (ÂM GIỮA), có chứa nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi hoặc kết thúc bằng hơn một phụ âm) sẽ NHẬN TRỌNG ÂM __ 'LongVow/Dip + 2,3 cons shortVow/ [ou] 2. Nếu âm tiết cuối của danh từ chứa một nguyên âm ngắn và âm tiết giữa chứa một nguyên âm ngắn và kết thúc không quá một phụ âm thì ÂM TIẾT ĐẦU sẽ NHẬN TRỌNG ÂM ' __ shortVow + 1 cons shortVow/ [ou] 3. Nếu âm tiết cuối chứa nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi hoặc kết thúc với hơn 1 phụ âm (2 hoặc 3 phụ âm), ÂM TIẾT ĐẦU sẽ NHẬN TRỌNG ÂM. ' __ __ LongVow/Dip + 2,3 cons	'disaster' [di'zɑ:stə] 'quantity' ['kwɒntəti] 'intellect' ['intəlekt]
	Tính từ		Theo nguyên tắc của danh từ	

2. Nguyên tắc và loại phụ tố từ phức		Ví dụ
1. Tiền tố	- Không có tiền tố của từ đa âm tiết mang trọng âm chính - Trọng âm của từ có tiền tố bị chi phối bởi quy luật của những từ không có tiền tố - Trường hợp đặc biệt: Cặp từ cùng hình thức khác thể loại Nguyên tắc: động từ và danh từ / tính từ có cùng hình thức Động từ: Âm tiết 2 nhận trọng âm Danh từ/ Tính từ: Âm tiết 1 nhận trọng âm	1. 'abstract' ['æbstrækt] (v) [æb'strækt] (adj) 2. 'conduct' [kɒn'dʌkt] (v) ['kɒndʌkt] (n)
2. Hậu tố	1/. Bản thân hậu tố mang trọng âm: Trọng âm ở âm tiết đầu của hậu tố . -ain, -ee, -eer, -ese, -ette, -esque, -ique	'entertain' [,entə'tein]
	2/. Những hậu tố không ảnh hưởng đến vị trí trọng âm : -able, -age, -al, -en, -ful, -ing, -ANCE, -ANT, -ARY '-ish' (Đây là quy luật cho tính từ, đối lập với căn tố có nhiều hơn 1 âm tiết luôn nhận trọng âm ở âm tiết ngay trước 'ish') -like, -less, -ly, -ment. -ness, -ous, -fy, -y	'comfort' ['kʌmfət] 'comfortable' ['kʌmfətəbl] 'replenish [ri'pleniʃ]
	3/. Hậu tố ảnh hưởng đến trọng âm của căn tố : -eous, -graphy, -ial, -ic, -ion, -ious, -ty	'photo' ' 'photography' ['fɒtəʊ] [fə'tɒgrəfi]
3. Nguyên tắc và vị trí âm tiết nhận trọng âm từ ghép		Ví dụ
1	được kết hợp bởi hai danh từ.	typewriter
2	được kết hợp bởi hai tính từ, với tính từ thứ hai kết thúc bằng "ed"	'bad-tempered
	được kết hợp bởi thành phần thứ nhất là số đếm hay số thứ tự, thành phần thứ hai thường là danh từ.	three-'wheeler second-'class
	có chức năng là trạng từ	north-'East
	có chức năng là động từ và có thành phần thứ nhất là trạng từ.	down-'gate

3.2. Đặc điểm chính của các âm tiết mang và không mang trọng âm

Vì trọng lượng [[13]: 121 – 125] của âm tiết (*syllable weight*) sẽ là nhân tố chính để xác định vị trí đặt trọng âm trong từ:

Một âm tiết **nhẹ** (= Âm tiết không nhận trọng âm) chứa {một âm vị nguyên âm trong phần vần mà không có âm kết}

Một âm tiết **nặng** (= Âm tiết nhận trọng âm) là một âm tiết có một bộ vần phức tạp, gồm 1 trong 2 trường hợp sau:

– {1 nguyên âm ngắn nhưng phải có tối thiểu 1 phụ âm kết}

– {Phải có hạt nhân gồm có một nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi và phải bổ sung thêm âm kết}

Do đó, trên cơ sở phân biệt giữa âm tiết nhẹ và âm tiết nặng, từ loại (danh từ, động từ, tính từ, giới từ,..) cùng với số lượng âm tiết trong từ, một vài đặc điểm chính của các âm tiết mang và không mang trọng âm sẽ được hệ thống như sau:

3.2.1. Từ đơn đa âm tiết không phụ tố

Bảng 7: Đặc điểm chính của âm tiết không nhận trọng âm trong từ đơn

Âm tiết KHÔNG nhận trọng âm		Bối cảnh	Vị trí trọng âm
1	Âm tiết chứa nguyên âm yếu [ə i ɒ]	Âm tiết thứ 2 của danh từ 2 âm tiết	Âm tiết đầu
2	Âm tiết chứa một nguyên âm yếu và kết thúc không quá một phụ âm	Âm tiết giữa của danh từ 3 âm tiết	
3	Âm tiết chứa nguyên âm ngắn hoặc nguyên âm yếu hoặc nguyên âm đôi [ou]	Âm tiết cuối của danh từ 3 âm tiết	
4	Âm tiết chứa nguyên âm yếu hoặc nguyên âm đôi [ou] và kết thúc với 1 hoặc 0 phụ âm	Âm tiết thứ 2 của động từ/ tính từ 2 âm tiết	
Âm tiết NHẬN trọng âm		Vị trí trong từ	
1	Âm tiết chứa nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi hoặc kết thúc với hơn 1 phụ âm (2 hoặc 3 , .. phụ âm),	Âm tiết thứ 2 của động từ / tính từ 2 âm tiết	
		Âm tiết cuối của động từ 3 âm tiết	
NGOẠI LỆ: Âm tiết KHÔNG nhận trọng âm		Bối cảnh	Vị trí trọng âm
1	Âm tiết chứa nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi hoặc kết thúc với hơn 1 phụ âm (2 hoặc 3 , .. phụ âm),	Âm tiết cuối trong danh từ / tính từ 3 âm tiết	Âm tiết đầu
2	Âm tiết chứa nguyên âm ngắn hoặc nguyên âm đôi [ou] và kết thúc với 2 phụ âm	Âm tiết thứ 2 của động từ 2 âm tiết	
3	Âm tiết kết thúc với hơn 1 phụ âm (2 hoặc 3 ... phụ âm).	Âm tiết thứ 2 của tính từ 2 âm tiết	

3.2.2. Từ phức (đa âm tiết có phụ tố)

Bảng 8: Đặc điểm về trọng âm của tiền tố

Đặc điểm về trọng âm của tiền tố		Cụ thể
1	Không có tiền tố của những từ một hay hai âm tiết luôn mang trọng âm chính	Tiền tố không mang trọng âm
2	Trọng âm của từ có tiền tố bị chi phối bởi qui luật của những từ không có tiền tố	Tiền tố không ảnh hưởng vị trí trọng âm
3	Cặp từ loại 'abstract'	tiền tố + 'căn tố' Động từ ['æbstrækt] (v)
		'tiền tố + căn tố' Tính từ [æb'strækt] (adj)

Bảng 9: Đặc điểm về trọng âm của hậu tố

Đặc điểm trọng âm của hậu tố		Hậu tố cụ thể
1	Bản thân hậu tố mang trọng âm	'-ain', '-ee', '-eer', '-ese', '-ette', '-esque', '-ique'
2	Hậu tố không ảnh hưởng đến vị trí trọng âm.	'-able', '-age', '-al', '-en', '-ful', '-ing'
3	Trọng âm ở âm tiết ngay trước hậu tố	'-ish', '-like', '-less', '-ly', '-ment', '-ness', '-ous', '-fy', '-wisw', '-y'
4	Hậu tố ảnh hưởng đến trọng âm của căn tố	'-eous', '-graphy', '-ial', '-ic', '-ion', '-ious', '-ty'

3.2.3. Từ ghép (2 căn tố)

Bảng 10: Đặc điểm âm tiết mang trọng âm trong từ ghép

Từ ghép	Vị trí nhận trọng âm và qui tắc		Ví dụ
	Phần đầu	Từ ghép được kết hợp bởi hai danh từ.	'typewriter
	Phần sau	Từ ghép được kết hợp bởi hai tính từ, trong đó tính từ thứ hai kết thúc bằng "ed"	Bad-'tempered
		Từ ghép được kết hợp bởi thành phần thứ nhất là số đếm hay số thứ tự, thành phần thứ hai thường là danh từ.	Second-'class
		Từ ghép có chức năng là trạng từ	North-'East
		Từ ghép có chức năng là động từ và có thành phần thứ 1 là trạng từ.	Down-'gate

4. Kết luận

Nhìn chung, thật sự không thể phủ nhận tính phức tạp trong việc xác định trọng âm từ tiếng Anh từ sự ảnh hưởng của nguyên tắc phân loại từ trên các cơ sở: cấp độ hình thái của từ, chủng loại ngữ pháp và số lượng âm tiết trong từ. Tuy nhiên, theo đặc trưng tiếng Anh là ngôn ngữ theo mô hình nhịp điệu có trọng âm (*Stress-Timed Rhythm*), tức là phải phát âm có tính nhịp điệu được cụ thể hóa là phải theo mô hình nhịp điệu (*rhythmic patterns*): {F = [S W]} (với F = Foot = 1 bước, S = strong = mạnh, W = weak = yếu), thì trọng lượng của âm tiết (*Syllable weight*) [[13]] sẽ là nhân tố chính để xác định vị trí đặt trọng âm trong từ, căn cứ trên sự phân biệt giữa *âm tiết nhẹ* (chứa {một âm vị nguyên âm trong phần vần mà không có âm kết}) và *âm tiết nặng* (chứa {1 nguyên âm ngắn nhưng phải có tối thiểu 1 phụ âm kết} hoặc {phải có hạt nhân gồm có một nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi và phải bổ sung thêm âm kết}).

Từ đó, một hệ thống các nguyên tắc trọng âm từ đã được đúc kết một cách cơ bản và khá đơn giản, đồng thời đã được kiểm nghiệm cũng như minh họa bằng thực nghiệm ngữ âm học, từ cấp độ từ đơn-1 hay nhiều âm tiết với sự phân biệt giữa các loại từ: danh từ, động từ, tính từ, với đặc điểm

chung là *những âm tiết chứa nguyên âm yếu thì không nhận trọng âm*, còn lại như *âm tiết chứa nguyên âm ngắn nhưng phải kết thúc với ít nhất 1 phụ âm và âm tiết chứa nguyên âm dài thì luôn nhận trọng âm*; đến cấp độ từ phức với sự ảnh hưởng của các loại phụ tố như: tất cả các *tiền tố đều không mang trọng âm* (*ngoại trừ tiền tố của tính từ trong cặp từ loại: word class pair*) và việc xác định trọng âm sẽ theo nguyên tắc cấp độ từ đơn; cùng với các loại *hậu tố luôn mang trọng âm và không mang trọng âm* – có và không có sự ảnh hưởng làm thay đổi vị trí trọng âm của từ; và cuối cùng là cấp độ từ ghép với 2 vị trí nhận trọng âm khác nhau là ở *thành tố thứ nhất nếu từ ghép cấu thành từ 2 danh từ và các trường hợp còn lại thì thành tố thứ 2 sẽ nhận trọng âm*.

Như vậy, từ quan điểm về nâng cao khả năng nhận thức trong giao tiếp, đặc biệt bằng tiếng Anh, bài viết cơ bản đã cung cấp một số kiến thức và phương pháp rất cần thiết về âm vị học chiết đoạn, thông qua thực hành mẫu nhịp điệu trong ngôn điệu, nhằm nâng cao khả năng xác định và phát âm các âm tiết nhận trọng âm, cơ sở để đoán nội dung của lời nói trong giao tiếp ngoài xã hội và quốc tế trong thời kì toàn cầu hóa hiện nay.

VERIFYING A METHOD TO RECOGNIZE THE STRESSED SYLLABLE IN AN ENGLISH WORD BY EXPERIMENTAL PHONETICS

Tran Thi Thanh Dieu

*University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University of Ho Chi Minh city*

ABSTRACT

Based on the syllable weight, the word classification on the foundation of Morphological level of a word, the Grammatical category and the Number of syllables

existing in a word, the research concentrates on the foundation for a rather simple method to recognize the stressed syllable in an English word, which was verified by Experimental Phonetics.

Keywords: *stress, experimental phonetics, method, verify*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Anderson, John M. and Ewen, Colin J., *Principles of dependency phonology*, Cambridge University Press, 1987.
- [2] Brentari, Diane, *A prosodic model of sign language phonology*, Cambridge, MA: MIT Press, 1988.
- [3] Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt – mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB Khoa học Xã hội, 2006.
- [4] Chomsky N and Halle M., *The sound pattern of English*, New York: Harper and Row, 1968.
- [5] Clements, George N. and Samuel J. Keyser, *CV phonology: A generative theory of the syllable. Linguistic inquiry monographs* (No. 9), Cambridge, MA: MIT Press. ISBN 0-262-53047-3 ISBN 0-262-03098-5, 1983.
- [6] De Lacy, Paul, *The Cambridge Handbook of Phonology*, Cambridge University Press, ISBN 0-521-84879-2 (hbk), 2007.
- [7] Fry D. B., *Duration and intensity as physical correlates of linguistic stress*, J. Acoust. Soc. Am. 27, 765–768. doi: 10.1121/1.1908022, 1955.
- [8] Fry D. B., *Experiments in the perception of stress*, Lang Speech 1, 1958.
- [9] Goldsmith, John A., *The aims of autosegmental phonology. In D. A. Dinnsen (Ed.), Current approaches to phonological theory*, Bloomington: Indiana University Press, 1979.
- [10] Jones D., *The pronunciation of English*, Cambridge University Press, 1909/2002.
- [11] Ladefoged, Peter, *A course in phonetics* (4th ed.), Boston: Heinle and Heinle, Thomson Learning, 2001.
- [12] Lê Quang Thiêm, *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
- [13] McMahon A., *An introduction to English phonology*, Edinburgh University Press, 1998.
- [14] Nguyễn Công Đức, Nguyễn Hữu Chương, *Từ vựng tiếng Việt*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2004.
- [15] Nguyễn Quang Hồng, *Âm tiết và loại hình ngôn ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
- [16] Nguyễn Tài Cẩn, *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1997.
- [17] Nguyễn Thiện Giáp, *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, NXB Giáo dục, 2009.
- [18] Đinh Lê Thư, Nguyễn Văn Huệ, *Cơ cấu ngữ âm tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1998.
- [19] Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1980.
- [20] Roach P., *English Phonetics and Phonology*. The Youth Press, Vietnam, 1998.
- [21] Spencer A., *Morphological Theory*, Cambridge University Press, 1991.